

Isa

Chapter 1

Vietnamese Interlinear

Reference: Vietnamese Bible (1934)

וַיִּרְוֹשׁוּם וַיְהוּדָה עַל-חַזָּה אֲשֶׁר אֲמוֹץ בֶּן-יִשְׁעִיָּהוּ חִזּוֹן 1
và-Giê-ru-sa-lem Giu-đa về ông-đã-thấy mà A-mốt con-trai Ê-sai Khải-tượng
[H3389](#) [H3063](#) [H2372](#) [H0531](#) [H2377](#)
יְהוּדָה: מַלְכֵי יְחֻזְקִיָּהוּ אָחָז יוֹתָם עֲזִיָּהוּ בִימֵי
Giu-đa các-vua Ê-xê-chia A-cha Giô-tham Ô-xia trong-những-ngày
[H3063](#) [H4428](#) [H2396](#) [H0271](#) [H3147](#) [H5818](#) [H3117](#)

Về đời Ô-xia, Giô-tham, A-cha và Ê-xê-chia, là các vua nước Giu-đa, thì Ê-sai, con trai A-mốt, có sự hiện thấy về nước Giu-đa và thành Giê-ru-sa-lem.

שָׁמְעוּ שָׁמַיִם וְהֶאֱזִינִי אֶרֶץ כִּי יְהוָה דָּבָר בְּנִים 2
Hỡi-các-tầng-trời hãy-nghe hỡi-đất hãy-lắng-tai vì Đức-Giê-hô-va đã-phán
[H8064](#) [H0238](#) [H0776](#) [H3068](#) [H1696](#) [H8085](#)
וְרוֹמְמֵתִי וְגִדְלֹתִי וְהֵם פְּשָׁעוֹ כִּי: ta đã-phán-nghịch nhưng-chúng và-đem-lên-cao ta-đã-nuôi-nấng
[H1431](#) [H1992](#) [H6586](#)

Hỡi các tầng trời, hãy nghe; hỡi đất, hãy lắng tai; vì Đức Giê-hô-va có phán rằng: Ta đã nuôi nấng con cái, trường dưỡng chúng nó, song chúng nó đẩy loạn nghịch cùng ta.

יָדַע שׁוֹר קָנָהוּ וְחִמּוֹר אֲבוֹס בְּעַלְיוֹ יִשְׂרָאֵל לָא 3
Con-bò biết chủ-nó chủ-lừa con-lừa biết-máng-cỏ chủ-mình chẳng nhưng-Y-sơ-ra-ên
[H3045](#) [H7794](#) [H7069](#) [H2543](#) [H0018](#) [H1167](#) [H3808](#) [H3478](#)
יָדַע עַמִּי לָא הִתְבּוֹנֵן: suy-xét chẳng dân-ta nhận-biết
[H3045](#) [H3808](#) [H0995](#)

Bò biết chủ mình, lừa biết máng của chủ; song Y-sơ-ra-ên chẳng hiểu biết, dân ta chẳng suy nghĩ.

וְהָיָה נֹדֵם חַטָּאת עַם כְּבֹד עֶזְרָה מְשֻׁחֵתִים וְהָיָה מְרָעִים זָרַע 4
Khốn-thay dân-tộc phạm-tội dân-sự nặng-nề con-cái kẻ-ác dòng-dối
[H1945](#) [H2398](#) [H3515](#) [H5771](#) [H2233](#)
אֶת-עֲזָרָהוּ אֶת-יְהוָה נֶאֱזָרוּ אֶת-קְדוֹשׁ אֶת-יִשְׂרָאֵל
[đối-tượng] chúng-đã-lia-bỏ [đối-tượng] Đức-Giê-hô-va đã-khinh-bỉ Đấng-Thánh của-Y-sơ-ra-ên
[H0853](#) [H3068](#) [H5006](#) [H0853](#) [H0853](#) [H0853](#) [H7843](#)
אֶת-הָאָדָמָה לֹא נָזְרוּ אֶת-יִשְׂרָאֵל: lui đã-quay của-Y-sơ-ra-ên
[H0268](#) [H3478](#)

Ôi! nước mắc tội, dân mang lỗi nặng nề, tông giống độc dữ, con cái làm bậy bạ kia! Chúng nó đã lia bỏ Đức Giê-hô-va, khinh lờn Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên, đã trở nên xa lạ và lui đi.

עָלָה עוֹד תְּבוּיָה מָה עָלָה 5
Vi-sao thêm-nữa các-người-bị-đánh nào
[H4100](#) [H5221](#) [H5750](#) [H3254](#) [H5627](#) [H3605](#)
וְכָל-לֶבַב לְחַלִּי: mòn-mỏi lòng và-cả đều-đau
[H1742](#) [H3824](#) [H3605](#) [H2483](#)

Các người sao còn cứ bạn nghịch, để lại bị đánh nữa? Đầu đều đau đớn cả, lòng đều mòn mỏi cả.

פצע chỉ-toàn-vết-thương H6482	מָתֵם chỗ-nào-lành H4974	בּוֹ nơi-nó H0369	אֵין- chẳng-có H0369	רֹאשׁ đầu H0369	וְעַד- cho-đến H5704	רַגְלֵךְ chân H7272	מִכַּף- Từ-bàn-chân H3709	6
וְלֹא cũng-chưa H3808	חָבְשׁוּ được-băng-bó H2280	וְלֹא chưa H3808	זָרוּ được-rửa H2115	לֹא- chưa H3808	טְרִיָּה mới H2961	וּמִכָּה và-vết-đánh H4347	וּחְבִּירָהּ và-bầm-tím H2250	
						בְּשֶׁמֶן: bằng-dầu H8081	רִכְכָּה được-thoa-dịu H7401	

Từ bàn chơn cho đến đỉnh đầu, chẳng có chỗ nào lành: rất những vết thương, vít sưng cùng lẫn mới, chưa rịt, chưa quấn, cũng chưa bôi dầu cho êm.

אֲדַמְתֶּכֶם ruộng-đất-các-người H0127	אֵשׁ bằng-lửa H0784	שָׂרְפֹת bị-thiêu H8313	עָרִיכֶם thành-phố-các-người H0784	שְׂמֹמָה hoang-tàn H0776	אֲרֻצְכֶם Đất-nước-các-người H0776	7
כְּמַהֲפַכֶּת như-bị-lật-đổ-bởi H4114	וּשְׂמֹמָה và-nó-hoang-vu H4114	אֵתָהּ nó H0853	אֲכָלִים đang-ăn-nuốt H0398	זָרִים kẻ-lạ H0398	לְנִגְדְּכֶם ngay-trước-mặt-các-người H5048	
					זָרִים: người-ngoại-bang	

Xứ các người là nơi hoang vu, thành các người bị lửa thiêu hủy; dân ngoại nuốt đất đai các người trước mặt các người, hoang vu như bị dân ngoại phá tán.

בְּמִקְשָׁה trong-ruộng-dừa H4750	כְּמַלְוָה như-túp-lều H4412	בְּכָרֶם trong-vườn-nho H3754	כְּסֵבָה như-cái-chòi H5521	צִיּוֹן Si-ôn H6726	בֵּת- [thuộc-về] H1323	וּנְוֹתֶיהָ Và-con-gái H3498	8
					נְצִירָה: vây-hãm H5341	כְּעִיר như-thành-bị H5341	

Con cái Si-ôn bị bỏ lại như lều vườn nho, như chòi ruộng dừa, như thành bị vây.

שָׂרִיד một-ít-người-sống-sót H8300	לָנוּ cho-chúng-ta H8300	הוֹתִיר để-lại H3498	צְבָאוֹת Vạn-Quân H3498	יְהוָה Đức-Giê-hô-va H3068	לֹא- Nếu-không H3884	9
ס [ký-hiệu] H1819	דְּמִינוּ: chúng-ta-đã-giống H1819	לְעִמְרָה giống-Gô-mô-rơ H6017	הִינֵנוּ chúng-ta-đã-trở-nên H1961	כְּסֹדֶם như-Sô-đôm H5467	כְּמִעֵט thì-đã-gần H4592	

Ví bằng Đức Giê-hô-va vạn quân chẳng để chúng ta còn sót lại chút đỉnh, thì chúng ta sẽ giống thành Sô-đôm và như thành Gô-mô-rơ vậy!

הֲאִזְנִי hãy-lắng-tai-nghe H0238	סֹדֶם của-Sô-đôm H5467	קִצְיֵנוּ hỡi-các-quan-trưởng H7101	יְהוָה Đức-Giê-hô-va H3068	דְּבַר- lời H1697	שְׁמֵעוּ Hãy-nghe H8085	10
		עִמְרָה: Gô-mô-rơ H6017	עַם hỡi-dân H0430	אֱלֹהֵינוּ Đức-Chúa-Trời-chúng-ta H0430	תּוֹרָת luật-pháp H8451	

Hỡi các quan trưởng Sô-đôm, hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va. Hỡi dân Gô-mô-rơ, hãy để tai vào luật pháp của Đức Chúa Trời chúng ta!

שָׁבַעְתִּי Ta-đã-chán H7646	יָהָה rằng H3068	יֵאמֵר Đức-Giê-hô-va-phán H0559	זָבַחְיֶכֶם sinh-tế-của-các-người H2077	רַב- muôn-vàn H7230	לִי cho-ta H4100	לְמַה- Để-làm-gì H4100	
וְעַתּוּדִים và-dê-đực H6260	וּכְבָּשִׁים và-chiên-con H3532	בָּרִים bò-đực H6499	וְדָם và-máu H1818	מְרִיאִים thú-vật-mập H4806	וְתֹלַב và-mỡ H2459	אֵילִים chiên-đực H2459	עֲלוֹת những-của-lễ-thiêu H2459
						לֹא ta-không H3808	הִפְצַתִּי: ưa-thích H3808

Đức Giê-hô-va phán: Muôn vàn của lễ các người nào có can hệ gì đến ta? Ta đã chán chê của lễ thiêu bằng chiên đực và mỡ của bò con mập. Ta chẳng đẹp lòng về huyết của bò đực, chiên con và dê đực đâu.

מִיָּדְכֶם từ-tay-các-người H3027	זֹאת điều-này H2063	בִּקְשׁוּ đã-đòi H1245	מִי- ai H4310	פָּנָי ta H6440	לְרֵאוֹת để-ra-mắt H7200	תָּבֹאוּ các-người-đến H0935	כִּי Khi H3808
						הַצָּרִי: hành-lang-ta H7429	רָמַס để-giày-đạp H7429

Khi các người đến châu trước mặt ta, ai khiến các người giày đạp hành lang ta?

לִי ta H1931	הִיא đối-với H1931	תֹּעֲבָה là-điều-ghê-tởm H8441	קָטָרֶת hương H7004	שׁוֹא vô-ích H7723	מִנְחַת- của-lễ H4503	הָבִיא dâng H0935	תּוֹסִיפוּ tiếp-tục H3254	לֹא Đừng H3808
אֲנִי sự-gian-ác H0205	אוֹכֵל chịu-nổi H3201	לֹא- ta-không-thể H3808	מִקְרָא hội-họp H4744	קָרָא sự-triệu-tập H7121	וְשַׁבַּת và-ngày-Sa-bát H7676	תְּרַשׁ ngày-trăng-mới H2320		
						וְעֲצָרָה: và-lễ-hội-trọng-thể H6116		

Thôi, đừng dâng của lễ chay vô ích cho ta nữa! Ta gớm ghét mùi hương, ngày trăng mới, ngày sa-bát cùng sự rao nhóm hội; ta chẳng khứng chịu tội ác hội hiệp nơi lễ trọng thể.

הִיוּ chúng-đã-trở-nên H1961	נִפְשֵׁי bỏ H5315	שְׂנֵאָה linh-hồn-ta-ghét H8130	וּמוֹעֲדֵיכֶם và-các-kỳ-lễ-của-các-người H4150	חֲדָשֵׁיכֶם Các-kỳ-trăng-mới H2320		
			נִשָּׂא: vì-phải-gánh-chịu H5375	נִלְאִיתִי ta-đã-mệt-mỏi H3811	לְטָרַח gánh-nặng H2960	עָלַי cho-ta H2960

Thật, lòng ta ghét những ngày trăng mới và kỳ lễ các người, là nặng nề cho ta, ta lấy làm mệt mà gánh lấy.

כִּי- cho H1571	נָם dù H1571	מִכֶּם khỏi-các-người H1571	עֵינַי mắt-ta H5956	אֶעְלִים ta-sẽ-giấu H5956	כַּפְיֶכֶם tay H3709	וּבְכַרְשֵׁיכֶם Khi-các-người-giơ H6566
דָּמַיִם đầy-máu H1818	יָדֵיכֶם tay-các-người H3027	שָׁמַעַ nghe H8085	אֵינְנִי ta-sẽ-không H0369	תְּפִלָּה lời-cầu-nguyện H8605	תְּרַבִּי các-người-cầu-nguyện-nhiều H8605	מְלֹאוֹ: vấy-bẩn H4390

Vậy nên, khi các người giơ tay, thì ta che mắt khỏi các người. Khi các người cầu nguyện rườn rà, ta chẳng thèm nghe. Tay các người đầy những máu.

מִנְּנֵד	מֵעַלְלֵיכֶם	רָע	הַסִּירוּ	הַזְכּוּ	רְחִצּוּ	16
khỏi-trước	của-việc-làm-các-người	sự-gian-ác	hãy-đẹp-bỏ	hãy-làm-cho-sạch	Hãy-rửa-mình	
H5048	H4611	H7455	H5493	H2135	H7364	

הֲרַעַ: הַדְלִי עֵינַי
 làm-điều-ác hãy-thôi mắt-ta
[H2308](#)

Hãy rửa đi, hãy làm cho sạch! Hãy tránh những việc ác khỏi trước mắt ta. Đừng làm dữ nữa.

הִמּוּץ	אֲשֶׁרוּ	מִשְׁפָּט	דְּרֹשׁוּ	הֵיטֵב	לְמַדּוּ	17
kẻ-bị-áp-bức	hãy-giúp-đỡ	sự-công-bình	hãy-tìm-kiếm	làm-điều-lành	Hãy-tập	
H2541	H0833	H4941	H1875	H3190	H3925	

ס אֶלְמָנָה: רִיבוּ יְתוֹם שְׁפָטוּ
 [ký-hiệu] người-góa-bụa hãy-biện-hộ-cho kẻ-mồ-côi hãy-xét-xử-cho
[H0490](#) [H7378](#) [H3490](#) [H8199](#)

Hãy học làm lành, tìm kiếm sự công bình; hãy đỡ đần kẻ bị hà hiếp, làm công bình cho kẻ mồ côi, binh vực lẽ của người góa bụa.

הַטְּאִיכֶם	יְהִיוּ	אִם-	יְהִיָּה	יֵאמֶר	וְנִזְכְּרָה	נָא	לָכוּ-	18
là	tội-lỗi-các-người	dù	rằng	Đức-Giê-hô-va-phán	để-ta-phân-giải	nào	Hãy-đến	
H2399	H1961		H3068	H0559	H3198	H4994	H3212	

כַּצִּנּוֹר כְּתוֹלַע יֶאֱדִימוּ אִם- יִלְבִּינִי כְּשֶׁלֶג כְּשֵׁנִים
 như-lông-chiên như-sâu đỏ dù sẽ-trở-nên sẽ-trắng-như-tuyết như-màu-đỏ-thắm
[H6785](#) [H0119](#) [H7950](#) [H8144](#)

יְהִיוּ:
 sẽ-trở-nên
[H1961](#)

Đức Giê-hô-va phán: Bây giờ hãy đến, cho chúng ta biện luận cùng nhau. Dầu tội các người như hồng điều, sẽ trở nên trắng như tuyết; dầu đỏ như son, sẽ trở nên trắng như lông chiên.

תֹּאכְלוּ:	הָאָרֶץ	טוֹב	וּשְׁמַעְתֶּם	הַזֶּאֱבֹו	אִם-	19
các-người-sẽ-hưởng	của-đất	hoa-màu-tốt-lành	và-vâng-theo	các-người-bằng-lòng	Nếu	
H0398	H0776	H2898	H8085	H0014		

Nếu các người sẵn lòng vâng lời, sẽ ăn được sản vật tốt nhứt của đất.

פִּי	כִּי	תֹאכְלוּ	תִּרְבּוּ	וּמְרִיתֶם	תִּמְאָנוּ	וְאִם-	20
miệng	vì	sẽ-nuốt-các-người	gướm	và-phản-nghịch	các-người-từ-chối	Nhưng-nếu	
H6310		H0398	H2719	H4784	H3985		

ס הֲבָרַ: יְהִיָּה
 [ký-hiệu] đã-phán Đức-Giê-hô-va
[H1696](#) [H3068](#)

Nhược bằng các người chẳng khứng và bạn nghịch, sẽ bị nuốt bởi gướm; vì miệng Đức Giê-hô-va đã phán.

מִשְׁפָּט	מִלְאָתִי	נִאֲמָנָה	קָרְיָה	לְזוֹנָה	הִתְתָּה	אִיכָּה	21
công-lý	từng-đầy-dẫy	biết-bao	thành-phố	kỹ-nữ	đã-trở-nên	Thành-trung-tín	
H4941	H4395	H0539	H7151	H2181	H1961		

מְרַצְחִים: וְעַתָּה קָה יִלִּין צָדֵק
 kẻ-giết-người nhưng-bây-giờ trong-đó từng-ở sự-công-chính
[H7523](#) [H6258](#) [H6664](#)

Ôi! thành trung nghĩa đã hóa ra kỹ nữ, nó vốn đầy sự chánh trực, giờ đây những kẻ giết người!

בְּמַיִם :	מְהוּל	סְבֹאָה	לְסִיגִים	הִנֵּה	כֶּסֶף	22
với-nước	bị-pha	rượu-ngươi	cặn-bã	đã-trở-nên	Bạc-ngươi	
H4325	H4107	H5435	H5509	H1961	H3701	

Bạc ngươi biến thành cặn, rượu ngươi pha lộn nước.

אֶהָב	כָּלֹ	גִּנְבִים	וְחִבְרֵי	סוֹרְרִים	שָׂרֵי	23
đều-ham	mọi-người	kẻ-trộm	và-bạn-bè-của	là-kẻ-phản-loạn	Các-quan-trưởng-ngươi	
H0157	H3605	H1590	H2270	H5637	H8269	
וְרִיב	יִשְׁפֹּטוּ	לֹא	יְתוֹם	שְׁלֹמֹנִים	וְרָדַף	שָׁחַד
và-vụ-kiện-của	được-xét-xử	chẳng	kẻ-mồ-côi	quà-tặng	và-chạy-theo	của-hối-lộ
H7379	H8199	H3808	H3490	H8021	H7291	H7810
		פ	אֲלֵיהֶם :	יָבֹוא	לֹא	אֲלֵמָנָה
		[ký-hiệu]	trước-mặt-họ	đến-được	chẳng	ngươi-góa-bụa
			H0413	H0935	H3808	H0490

Các quan trưởng của dân ngươi là đồ phản nghịch, làm bạn với kẻ trộm, mỗi người trong chúng đều ưa của hối lộ, đeo đuổi theo tài lợi; chẳng làm công bình cho kẻ mồ côi, vụ kiện của người góa bụa chẳng đến cùng chúng nó.

יִשְׂרָאֵל	אֲבִיר	צְבָאוֹת	יְהוָה	הָאֱדוֹן	נָאֵם	לְכֹן	24
của-Y-sơ-ra-ên	Đấng-Quyền-Năng	Vạn-Quân	Đức-Giê-hô-va	là-Chúa	Chúa-phán	Vì-vậy	
H3478	H0046		H3068	H0113	H5002		
	מְאוֹיְבֵי :	וְאִנְקָמָה	מִצְרַיִם	אֲנַחֲם	הוֹי		
	những-địch-thù-ta	và-trả-thù	trên-kẻ-thù-ta	Ta-sẽ-trút-cơn-giận	Hỡi		
	H0341	H5358		H5162	H1945		

Vậy nên, Chúa, là Đức Giê-hô-va vạn quân, Đấng Quyền năng của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: Ôi! ta sẽ được thỏa lòng về kẻ đối địch ta, và báo trả kẻ cừu thù ta!

וְאִסְרָהּ	סִינְיָה	כִּבְר	וְאִצְרָהּ	עָלֶיהָ	יָדֵי	וְאִשִּׁיבָהּ	25
và-loại-bỏ	cặn-bã-ngươi	như-luyện-bạc	và-luyện-sạch	nghịch-ngươi	tay-ta	Ta-sẽ-trở-lại	
H5493	H5509	H1253	H6884		H3027	H7725	
				בְּדִלְיָה :	כָּל-		
				chất-pha-trộn-ngươi	mọi		
				H0913	H3605		

Ta sẽ lại tra tay trên ngươi, làm ta sạch hết cặn ngươi, và bỏ hết chất pha của ngươi.

כְּבַתְחָלָה	וְיִעֲצִיף	כְּבָרְאֲשָׁה	שְׁפֹטֵי	וְאִשִּׁיבָהּ	26			
như-lúc-ban-đầu	và-các-mưu-sĩ-ngươi	như-thuở-đầu	các-quan-xét-ngươi	Ta-sẽ-phục-hồi				
H8462	H3289	H7223	H8199	H7725				
	נְאֻמָּנָה :	קָרְהָ	הַצֶּדֶק	עִיר	לְךָ	יִקְרָא	כֹּן	אֲחֵרֵי-
	trung-tín	đồ-thành	công-chính	thành	là	ngươi-sẽ-được-gọi	đó	sau
	H0539	H7151	H6664		H7121			

Ta sẽ lập các quan xét của ngươi như ngày trước, các mưu sĩ của ngươi như lúc đầu. Rồi sau người ta sẽ xưng ngươi là thành công bình, là ấp trung nghĩa.

בְּצִדְקָה :	וְשָׁבִיחַ	תִּפְרָהּ	בְּמִשְׁפָּט	צִיּוֹן	27
nhờ-sự-công-chính	và-những-người-trở-lại	sẽ-được-chuộc	nhờ-công-ly	Si-ôn	
H6666	H7725	H6299	H4941	H6726	

Si-ôn sẽ được chuộc bởi sự chánh trực, còn kẻ nào trở lại đó thì được chuộc bởi sự công bình.

יְהוָה וְעֹבֵי יַחַד וְחַטָּאִים פְּשָׁעִים וְשׂוֹבֵר
 Đức-Giê-hô-va và-kẻ-liạ-bỏ sẽ-cùng-nhau và-kẻ-có-tội kẻ-phạm-tội Nhưng-sự-hủy-diệt
[H3068](#) [H2400](#) [H6586](#) [H7667](#)

28

יִכָּלֵוּ:
 sẽ-bị-diệt-vong
[H3615](#)

Song những kẻ bạn nghịch và mắc tội sẽ cùng bị hủy diệt, còn kẻ bỏ Đức Giê-hô-va sẽ bị diệt vong.

וְתַחֲפֹרוּ חַמְדָּתָם אֲשֶׁר מֵאֵילִים יִבְשׂוּ כִי
 và-sẽ-xấu-hổ các-người-ưa-thích mà về-những-cây-sồi chúng-sẽ-hổ-thẹn Vì
[H2659](#) [H0954](#)
 בְּחָרְתָם: אֲשֶׁר מִהַגְנוֹת
 các-người-đã-chọn mà vì-những-khu-vườn
[H0977](#) [H1593](#)

29

Vậy các người sẽ hổ thẹn vì những cây thông mình ưa; mắc cỡ vì những vườn mình đã chọn.

אֵין מַיִם אֲשֶׁר-וּכְנֹנֶה עֲלֶיהָ נִבְלָת כְּאֵלֶּה תִהְיוּ כִי
 không-có nước mà và-như-khu-vườn lá-nó héo-tàn như-cây-sồi các-người-sẽ Vì
[H0369](#) [H4325](#) [H1593](#) [H5929](#) [H0424](#) [H1961](#)
 לָהּ:
 cho-nó

30

Vì các người sẽ giống như cây thông khô lá, như vườn không nước.

שְׁנִיָּהּ וּבָעֵרוּ לְנִיצוֹץ וּפְעֵלוּ לְנִעְרָתְךָ הֶחֱסֹן וְהִיא
 lên cả-hai-sẽ-cùng-cháy như-tia-lửa và-việc-làm-nó như-sợi-gai sẽ-trở-nên Và-kẻ-mạnh
[H8147](#) [H5213](#) [H6467](#) [H5296](#) [H2634](#) [H1961](#)
 וְאֵין יַחַד:
 [ký-hiệu] đập-tắt-được và-không-ai cùng-nhau
[H3518](#) [H0369](#)

31

Người mạnh sẽ như bã gai, việc làm của nó như đóm lửa; cả hai sẽ cùng nhau cháy, chẳng có ai giập tắt.